

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2010

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP
ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định
về tổ chức, hoạt động và quản lý hội**

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 45/2010/NĐ-CP) như sau:

Điều 1. Ban vận động thành lập hội

1. Hồ sơ đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu (Trưởng ban) ban vận động thành lập hội thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Ban vận động thành lập hội giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tự giải thể theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 6 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

b) Quyết định cho phép thành lập hội hết hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội

1. Báo cáo tổ chức đại hội:

a) Hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ và bộ quản lý ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động;

b) Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (hoặc Sở Nội vụ nếu được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền) và sở quản lý

ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động;

c) Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã báo cáo Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã thì hội có phạm vi hoạt động trong xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Nội dung báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ:

a) Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ;

b) Dự thảo báo cáo tổng kết công tác nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tới của hội;

c) Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung (nếu có);

d) Dự kiến nhân sự ban lãnh đạo, ban kiểm tra của hội. Đối với nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này;

đ) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội.

3. Nội dung báo cáo đại hội bất thường:

a) Nghị quyết của ban lãnh đạo hội về việc tổ chức đại hội bất thường trong đó nêu rõ nội dung sẽ thảo luận và quyết định tại đại hội;

b) Dự kiến thời gian, địa điểm tổ chức đại hội, số lượng đại biểu mời, đại biểu chính thức tham dự đại hội, dự kiến chương trình đại hội.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận nội dung báo cáo đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội; trong trường hợp cần lấy ý kiến cơ quan có liên quan đến ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động thì chậm nhất không quá hai mươi lăm ngày phải có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội.

5. Hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

6. Trường hợp hội tổ chức đại hội mà không báo cáo theo quy định tại các khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP không phê duyệt điều lệ hội đã được

Điều 3. Xử lý vi phạm thời hạn tổ chức đại hội nhiệm kỳ theo quy định tại điều lệ hội

1. Hết thời hạn sáu tháng, kể từ ngày hội nhận được văn bản yêu cầu tổ chức đại hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP mà lãnh đạo hội không tổ chức đại hội thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP căn cứ vào từng trường hợp cụ thể xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp:

a) Tổ chức họp ban lãnh đạo hội để đình chỉ việc điều hành hội của người đứng đầu hội và cử thành viên trong ban lãnh đạo hội tạm thời điều hành hoạt động hội thực hiện công việc chuẩn bị tổ chức đại hội cho đến khi hội tổ chức đại hội bầu được ban lãnh đạo mới;

b) Tổ chức họp ban lãnh đạo hội cử ra ban trừ bị chuẩn bị tổ chức đại hội.

2. Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày hội đã bị áp dụng các biện pháp quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, hội phải thực hiện công việc chuẩn bị tổ chức đại hội và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư này, trường hợp hội không thực hiện thì hội bị xem xét giải thể theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

Điều 4. Phê duyệt điều lệ hội

1. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày đại hội kết thúc, ban lãnh đạo hội gửi hồ sơ báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và văn bản đề nghị phê duyệt điều lệ hội đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP quyết định phê duyệt điều lệ.

Trường hợp điều lệ hội có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP hướng dẫn ban lãnh đạo hội hoàn chỉnh điều lệ hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Thành lập pháp nhân trực thuộc hội

1. Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân trực thuộc hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với điều lệ hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về

điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động (giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, giấy phép kinh doanh...) thì hội quyết định thành lập pháp nhân và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

2. Khi có nhu cầu thành lập pháp nhân trực thuộc hoạt động trong các lĩnh vực phù hợp với điều lệ hội mà chưa có quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ thành lập, hội báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, hồ sơ báo cáo gồm:

- a) Đề án thành lập pháp nhân, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải thành lập, sự phù hợp với điều lệ hội và quy định của pháp luật;
- b) Dự thảo quy chế hoạt động (hoặc điều lệ) của pháp nhân;
- c) Giấy tờ hợp lệ liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi dự kiến đặt trụ sở của pháp nhân; văn bản xác nhận tài sản của pháp nhân (nếu có);
- d) Danh sách dự kiến và sơ yếu lý lịch của ban lãnh đạo pháp nhân.

3. Trong thời hạn hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP có trách nhiệm thẩm định, lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, có văn bản trả lời hội, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

4. Hội thành lập pháp nhân trực thuộc hội không đúng quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP có quyền yêu cầu hội ra quyết định giải thể pháp nhân và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi con dấu.

Điều 6. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ hội

1. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại và xử lý kỷ luật trong nội bộ hội do hội quyết định theo quy định của điều lệ hội và pháp luật.

2. Hội báo cáo kết quả giải quyết, xử lý với cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

Điều 7. Đặt văn phòng đại diện, thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở và thay đổi lãnh đạo chủ chốt của hội

1. Việc đặt văn phòng đại diện

Đ... phạm vi hoạt động trong cả nước, khi đặt văn phòng đại diện

tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở của hội, phải có hồ sơ xin phép gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt văn phòng đại diện. Hồ sơ xin phép đặt văn phòng đại diện được lập thành hai bộ, gồm:

a) Đơn xin phép đặt văn phòng đại diện trong đó nêu rõ sự cần thiết đặt văn phòng đại diện;

b) Dự kiến nội dung hoạt động của văn phòng đại diện;

c) Giấy tờ hợp lệ liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi dự kiến đặt văn phòng đại diện;

d) Bản sao quyết định thành lập hội, điều lệ hội.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định cho phép hội đặt văn phòng đại diện; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc cho phép đặt văn phòng đại diện, hội báo cáo bằng văn bản với Bộ Nội vụ và bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà hội hoạt động.

3. Khi thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở làm việc của hội và thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký hoặc các chức danh tương đương, lãnh đạo hội phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

Báo cáo thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở phải nêu rõ địa chỉ nơi đặt trụ sở mới, điện thoại, fax (nếu có). Báo cáo thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký hoặc chức danh tương đương được gửi kèm theo nghị quyết, biên bản về việc bầu các chức danh trên và sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người đứng đầu hội.

Điều 8. Chế độ, chính sách đối với người làm công tác hội

1. Đối với hội có tính chất đặc thù

a) Được cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao, hàng năm có trách nhiệm báo cáo kết quả sử dụng biên chế về cơ quan có thẩm quyền quản lý biên chế theo quy định.

Trong trường hợp có sự điều chỉnh về thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, các hội có tính chất đặc thù lập hồ sơ điều chỉnh biên chế gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý biên chế xem xét, quyết định. Hồ sơ điều chỉnh biên chế gồm: văn bản đề nghị, đề án điều chỉnh biên chế, các tài liệu liên quan đến điều chỉnh biên chế kèm theo.

b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước luân chuyển, điều động, phân công làm việc tại các hội theo chỉ tiêu biên chế được giao, chế độ, chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

c) Đối với những người được tuyển dụng theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội có tính chất đặc thù, chế độ, chính sách áp dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

d) Đối với những người đã nghỉ hưởng lương hưu theo quy định pháp luật giữ các chức danh lãnh đạo chuyên trách tại hội có tính chất đặc thù, thì ngoài lương hưu, được hưởng thù lao theo quy định của hội và quy định của pháp luật, bảo đảm tương quan trong nội bộ hội.

2. Chế độ, chính sách đối với những người công tác tại hội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo thỏa thuận giữa hội với người làm công tác hội, bảo đảm tương quan trong nội bộ hội và theo quy định của Bộ Luật lao động, quy định pháp luật có liên quan.

Điều 9. Người đứng đầu hội

1. Số nhiệm kỳ liên tiếp giữ chức danh là người đứng đầu hội; độ tuổi, tiêu chuẩn, quy trình giới thiệu, lựa chọn để bầu người đứng đầu hội do điều lệ hội hoặc ban lãnh đạo hội quy định phù hợp quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền.

2. Nhân sự dự kiến là người đứng đầu hội phải có sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, nếu thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 10. Lập và lưu giữ hồ sơ tài liệu về tổ chức, tài chính của hội

1. Hội phải lập hồ sơ danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội và văn phòng đại diện, các tài liệu liên quan đến hoạt động của hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của ban lãnh đạo hội và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của hội.

2. Thời hạn lưu giữ và hủy tài liệu hồ sơ đã hết thời hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về công tác văn thư lưu trữ.

Điều 11. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội

1. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội thực hiện theo quy định của Bộ

Luật dân sự, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, các quy định pháp luật có liên quan và nghị quyết đại hội của hội.

2. Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội:

a) Hội thực hiện việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động;

b) Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP xem xét, quyết định cho phép việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;

c) Các hội chia; sáp nhập; hợp nhất (trừ trường hợp tách hội) chấm dứt tồn tại và hoạt động sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP cho phép chia; sáp nhập; hợp nhất hội. Các quyền và nghĩa vụ của hội chia; sáp nhập; hợp nhất được chuyển giao cho các hội mới. Đối với trường hợp tách hội, thì hội tách và hội thành lập mới do tách hội phải cùng nhau chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ của hội trước khi tách.

3. Hồ sơ chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội, gồm:

a) Đơn đề nghị chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;

b) Đề án chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội, trong đề án phải có phương án giải quyết tài sản, tài chính, lao động, phân định chức năng, quyền hạn, lĩnh vực hoạt động và trách nhiệm, nghĩa vụ phải thực hiện;

c) Nghị quyết đại hội của hội về việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;

d) Dự thảo điều lệ hội mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;

đ) Dự kiến chương trình hoạt động hội hình thành mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội;

e) Sơ yếu lý lịch và phiếu lý lịch tư pháp của người dự kiến đứng đầu ban vận động thành lập hội mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội và thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này;

g) Danh sách những người trong ban vận động được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;

h) Giấy tờ hợp lệ liên quan đến quyền sử dụng nhà, đất nơi dự kiến đặt trụ sở của hội hình thành mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội.

4. Thu hồi con dấu

Việc thu hồi con dấu đối với các hội chia; sáp nhập; hợp nhất chấm dứt tồn tại, hoạt động sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP cho phép chia; sáp nhập; hợp nhất hội được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Tổ chức đại hội và phê duyệt điều lệ hội thành lập mới do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội

a) Trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP cho phép chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội, các hội mới được hình thành phải tổ chức đại hội để thông qua các nội dung được quy định tại Điều 11 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

b) Các hội mới được hình thành do chia, tách; sáp nhập; hợp nhất lập hai bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP để xem xét, phê duyệt điều lệ hội.

Điều 12. Đổi tên hội

1. Việc đổi tên hội phải được trình ra đại hội của hội xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ đổi tên hội gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP, gồm:

a) Đơn đề nghị đổi tên hội, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết phải đổi tên hội;

b) Nghị quyết đại hội của hội về việc đổi tên hội;

c) Dự thảo điều lệ sửa đổi, bổ sung;

d) Trường hợp đồng thời có sự thay đổi về ban lãnh đạo hội thì gửi kèm theo biên bản bầu ban lãnh đạo (có danh sách kèm theo), đối với người đứng đầu hội thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

3. Trong thời hạn bốn mươi lăm ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP xem xét, quyết định cho phép hội đổi tên và phê duyệt điều lệ hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với hội

1. Bộ Nội vụ và Chính phủ quản lý nhà nước đối với hội, phối hợp với

các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với hội theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan có liên quan trong việc quản lý ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của hội theo quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp;

b) Lấy ý kiến bằng văn bản của bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà hội hoạt động khi cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên; giải thể và phê duyệt điều lệ hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong cả nước hoặc liên tỉnh.

c) Khen thưởng theo quy định của pháp luật đối với hội.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước đối với hội theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện để hội thành lập đúng pháp luật;

b) Tạo điều kiện để hội tham gia các hoạt động thuộc lĩnh vực quản lý của bộ phù hợp với điều kiện và khả năng của hội;

c) Hướng dẫn hội hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật và của bộ;

d) Hướng dẫn các sở, ban, ngành địa phương quản lý các hoạt động của hội thuộc ngành, lĩnh vực do bộ quản lý;

d) Khen thưởng theo quy định của pháp luật đối với hội.

3. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện để hội hoạt động có hiệu quả, khuyến khích các hoạt động của hội gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Tạo điều kiện để hội tham gia vào việc thực hiện xã hội hóa các hoạt động phát triển y tế, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, thể dục thể thao ở địa phương; xem xét, tạo điều kiện để hội tham gia một số dịch vụ công mà hội có điều kiện và khả năng thực hiện;

c) Đối với các hội mới thành lập còn nhiều khó khăn, Ủy ban nhân dân các cấp tạo điều kiện giúp hội ổn định hoạt động;

d) Khen thưởng theo quy định của pháp luật đối với hội.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau bốn mươi lăm ngày kể từ ngày ký.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 01/2004/TT-BNV ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

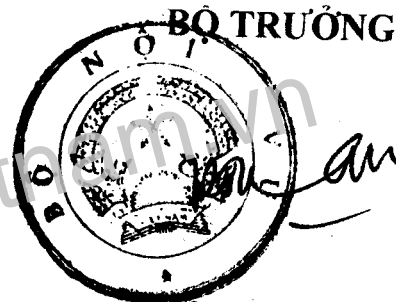
Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các hội có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Sở Nội vụ, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, Thứ trưởng, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ;
- Trang thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TCPCP.



Trần Văn Tuấn